

PHẦN VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

CHÍNH PHỦ

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 106/2015/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 23 tháng 10 năm 2015

NGHỊ ĐỊNH

Về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13 tháng 11 năm 2008;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nội vụ,

Chính phủ ban hành Nghị định về quản lý người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về phân cấp thẩm quyền quyết định; kiêm nhiệm, số lượng; đánh giá; cử, cử lại, miễn nhiệm; khen thưởng, kỷ luật; đề cử để bầu, miễn nhiệm, bổ nhiệm; thôi việc, nghỉ hưu và quản lý hồ sơ đối với người đại diện phần vốn nhà nước giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người đại diện phần vốn nhà nước được bầu, bổ nhiệm giữ các chức danh quản lý tại doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ do Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ (sau đây gọi chung là Bộ quản lý ngành), Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi chung là

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) làm chủ sở hữu vốn đầu tư vào các tập đoàn kinh tế, tổng công ty, công ty nhà nước sau cổ phần hóa; công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên (sau đây gọi chung là tập đoàn, tổng công ty, công ty), bao gồm:

- a) Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- b) Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Tổng giám đốc;
- đ) Phó Tổng giám đốc;
- e) Giám đốc;
- g) Phó Giám đốc.

Người đại diện phần vốn nhà nước được quy định tại Khoản này gọi chung là người đại diện.

2. Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Nghị định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Người đại diện phần vốn nhà nước là người được chủ sở hữu cử làm đại diện một phần hoặc toàn bộ vốn góp của Nhà nước tại tập đoàn, tổng công ty, công ty để thực hiện toàn bộ hoặc một số quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ của cổ đông nhà nước hoặc thành viên góp vốn tại tập đoàn, tổng công ty, công ty theo quy định của pháp luật.

2. Quyết định cử người đại diện là văn bản của chủ sở hữu chỉ định, giao người đại diện thực hiện các quyền của cổ đông hoặc thành viên góp vốn tại tập đoàn, tổng công ty, công ty.

3. Tuổi cử làm đại diện là tuổi được tính từ ngày, tháng, năm sinh đến ngày, tháng, năm có văn bản của cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương cử làm đại diện.

4. Cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ bao gồm:

- a) Vụ Tổ chức cán bộ thuộc Bộ quản lý ngành;
- b) Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Chương II

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CÁC NỘI DUNG QUẢN LÝ NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 4. Thẩm quyền của Bộ quản lý ngành

1. Quyết định cử, cử lại người đại diện để bầu hoặc đề nghị miễn nhiệm người đại diện giữ các chức danh:

- a) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị tập đoàn, tổng công ty;
 - b) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.
2. Quyết định cử, cử lại người đại diện để bổ nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm các chức danh:
- a) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tập đoàn, tổng công ty;
 - b) Giám đốc, Phó Giám đốc công ty.
3. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người đại diện giữ các chức danh:
- a) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tập đoàn, tổng công ty;
 - b) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty.

Điều 5. Thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh

1. Quyết định cử, cử lại người đại diện để bầu hoặc đề nghị miễn nhiệm người đại diện giữ các chức danh:
 - a) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị tổng công ty;
 - b) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty.
2. Quyết định cử, cử lại người đại diện để bổ nhiệm hoặc đề nghị miễn nhiệm các chức danh:
 - a) Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty;
 - b) Giám đốc, Phó Giám đốc công ty.
3. Quyết định khen thưởng, kỷ luật, thôi việc, nghỉ hưu đối với người đại diện giữ các chức danh:
 - a) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc tổng công ty;
 - b) Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc công ty.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ KIỂM NHIỆM ĐỐI VỚI NGƯỜI ĐẠI DIỆN, SỐ LƯỢNG NGƯỜI ĐẠI DIỆN ĐƯỢC GIỚI THIỆU ĐỂ BẦU GIỮ CHỨC DANH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, ĐỂ BỔ NHIỆM GIỮ CHỨC DANH PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC, PHÓ GIÁM ĐỐC

Điều 6. Quy định về kiểm nhiệm đối với người đại diện

1. Không là cán bộ, công chức, viên chức.

Trường hợp cán bộ, công chức, viên chức được cử làm người đại diện thì phải có quyết định chuyển chuyên, điều động công tác (đối với cán bộ, công chức) hoặc phải chấm dứt hợp đồng làm việc (đối với viên chức).

2. Không kiêm nhiệm làm đại diện ở tập đoàn, tổng công ty, công ty khác do Bộ quản lý ngành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là chủ sở hữu.

3. Không được giao hoặc ủy quyền lại cho người khác đại diện thay mình biểu quyết, quyết định các nội dung đã được chủ sở hữu giao.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị không kiêm Tổng giám đốc.

5. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc.

Điều 7. Về số lượng người đại diện được giới thiệu để bầu giữ các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, để bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc

Chủ sở hữu căn cứ vào tỷ lệ góp vốn của mình, cử số lượng người đại diện để bầu giữ các chức danh thành viên Hội đồng quản trị, để bổ nhiệm Phó Tổng giám đốc, Phó Giám đốc.

Chương IV ĐÁNH GIÁ NGƯỜI ĐẠI DIỆN

Điều 8. Căn cứ đánh giá

Căn cứ đánh giá bao gồm:

1. Quyền, trách nhiệm của người đại diện theo quy định của pháp luật.
2. Chương trình, kế hoạch công tác năm đã được chủ sở hữu phê duyệt.

Điều 9. Thời điểm đánh giá

Việc đánh giá người đại diện được thực hiện hàng năm ngay sau khi tập đoàn, tổng công ty, công ty công khai báo cáo tài chính năm theo quy định và trước khi thực hiện quy trình cử, cử lại, khen thưởng, kỷ luật người đại diện.

Điều 10. Thẩm quyền đánh giá và trách nhiệm của người đánh giá

1. Chủ sở hữu trực tiếp đánh giá người đại diện theo quy định tại Điều 4 và Điều 5 Nghị định này và chịu trách nhiệm về nội dung đánh giá của mình.

2. Kết quả phân loại, đánh giá bằng văn bản được thông báo đến người đại diện và lưu vào hồ sơ người đại diện.

Điều 11. Nội dung đánh giá

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ theo chương trình, kế hoạch năm hoặc nhiệm kỳ được chủ sở hữu phê duyệt gồm:

a) Kết quả và hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của tập đoàn, tổng công ty, công ty;

b) Việc chấp hành, tuân thủ của người đại diện đối với chủ trương, nghị quyết và sự chỉ đạo của chủ sở hữu.

2. Việc chấp hành đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; nội quy, quy chế của tập đoàn, tổng công ty, công ty.

3. Phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, tác phong và lễ lối làm việc.

Điều 12. Phân loại đánh giá

Người đại diện được đánh giá hàng năm và được phân loại theo 03 mức độ: hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, hoàn thành nhiệm vụ và không hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 13. Tiêu chí đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ

Người đại diện được đánh giá hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khi đạt được tất cả các tiêu chí sau:

1. Hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác năm, đảm bảo thời gian và chất lượng công việc.

2. Luôn gương mẫu, chấp hành tốt đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; kỷ cương, kỷ luật; nội quy, quy chế của tập đoàn, tổng công ty, công ty.

3. Có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; có lối sống lành mạnh; lễ lối làm việc chuẩn mực.

Điều 14. Tiêu chí đánh giá hoàn thành nhiệm vụ

Người đại diện được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ khi đạt được tất cả các tiêu chí sau:

1. Các tiêu chí được quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 13 Nghị định này.

2. Hoàn thành từ 70% trở lên nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác năm, trừ trường hợp bất khả kháng hoặc do nguyên nhân khách quan.

Điều 15. Tiêu chí đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ

Người đại diện được đánh giá không hoàn thành nhiệm vụ khi vi phạm một trong các tiêu chí sau:

1. Hoàn thành dưới 70% nhiệm vụ được giao theo chương trình, kế hoạch công tác năm.

2. Không thực hiện hoặc vi phạm đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước; pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, bị cấp có thẩm quyền xử lý kỷ luật theo quy định.

3. Vi phạm kỷ cương, kỷ luật; nội quy, quy chế của tập đoàn, tổng công ty, công ty.